

TRUYỀN THỐNG VÀ BIẾN ĐỔI TRONG HÔN NHÂN CỦA NGƯỜI SRÊ Ở XÃ TAM BỐ, HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG

BÙI THỊ BÍCH LAN

Srê là một nhóm địa phương của dân tộc Cơ-ho. Theo số liệu Tổng điều tra dân số 4/1999, dân tộc Cơ-ho ở nước ta có 128.723 người, cư trú chủ yếu ở tỉnh Lâm Đồng (112.926 người); ngoài ra còn ở Bình Thuận (8779 người), Ninh Thuận (2430 người), Đồng Nai (723 người)...¹ bao gồm các nhóm địa phương như Srê, Nộp, Cơ đôn, Lạt. Trong các nhóm địa phương, Srê là nhóm có số dân đông nhất, sinh sống ở một số huyện của tỉnh Lâm Đồng và tập trung tại huyện Di Linh thuộc tỉnh này.

Cho đến nay, đã xuất hiện một số công trình nghiên cứu về các lĩnh vực trong đời sống của người Cơ-ho, nhưng nhìn chung những nghiên cứu sâu về từng khía cạnh cụ thể của mỗi nhóm chưa được quan tâm, giới thiệu đầy đủ². Bài viết này xin trình bày một số đặc điểm hôn nhân truyền thống của nhóm Srê qua nghiên cứu trường hợp ở xã Tam Bố, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

Tam Bố là xã vùng II, nằm ven quốc lộ 20, cách trung tâm huyện Di Linh 10 km về phía Đông Bắc, cách thành phố Đà Lạt 75 km về phía Tây Nam. Tên xã Tam Bố được lấy theo tên của một làng Cơ-ho vốn tồn tại từ lâu đời trong vùng. Theo số liệu năm 2001, xã Tam Bố bao gồm 5 thôn, với 934 hộ, 4904 khẩu, thuộc các dân tộc Kinh, Cơ-ho, Mạ, Raglai, trong đó người Srê (Cơ-ho) cư trú tập trung ở thôn Tam

Bố, với 207 hộ, 1230 nhân khẩu, chiếm hơn 20% số hộ và khẩu toàn xã.

I. CÁC NGUYÊN TẮC TRONG HÔN NHÂN

1.1. Ngoại hôn

Theo quan niệm của đồng bào, dòng họ (*nòi dơi*) bao gồm những người có liên hệ về huyết thống, được tính trong vòng khoảng 4-5 đời từ một bà tổ. Hiện nay, trong thôn Tam Bố có 7 họ, gồm: Kon Nhài, Tam Ring, Ta Lung Par, Tam Bố, B'Ha Blăng, Bil, Liang Jrai, trong đó, Tam Bố được coi là họ gốc lớn nhất. Quá trình hình thành làng Tam Bố như ngày nay cũng là quá trình chuyển từ công xã huyết thống sang công xã láng giềng, và lúc đầu chỉ có một họ, sau vì nhiều lý do, mới có nhiều họ cùng sinh sống. Nếu hai người cùng dòng họ không được kết hôn. Ai vi phạm nguyên tắc này sẽ bị xét xử theo luật tục. Trên thực tế, nếu hai người cùng dòng họ có quan hệ tính giao nhưng người con gái không có thai thì hai người ấy chỉ bị họ hàng đánh đập, chửi mắng, bắt nộp phạt một chiếc *ùi* (chăn mỏng), 1 ché rượu và một ít tiền để làm mâm cơm cúng *Yàng* (thần linh), mong *Yàng* tha tội và cầu sự bình an cho dòng họ. Còn trong trường hợp người con gái có thai mà thời gian đó hạn hán lại diễn ra thì mức phạt sẽ nặng hơn nhiều. Người ta cho rằng, việc làm tội

lỗi của hai người là nguyên nhân làm *Yàng* tức giận nên gây hạn hán, mất mùa, vì thế, dòng họ đó phải mổ trâu, bò để làm lễ cúng cầu mưa. Lễ cúng này diễn ra bên bờ suối. Người ta đặt cơm canh vào bẹ chuối rồi bắt hai người bốc ăn. Khi ăn xong, chủ lễ (già làng, trưởng buôn) sẽ cầm ngón chân cái người con trai nhúng xuống nước suối đúng 7 lần, sau đó lại làm như vậy với người con gái. Họ giải thích rằng làm thế để cầu mưa và nước suối sẽ rửa sạch tội lỗi cho hai người.

1.2. Hôn nhân một vợ một chồng

Hình thức hôn nhân này đã được xác lập từ lâu. Theo tập tục Srê, mỗi người sinh ra chỉ được phép có một vợ, một chồng. Mặc dù vậy, trước kia từng có trường hợp đa phu, và ngày nay, do ảnh hưởng của người Kinh, đã diễn ra tình trạng đa thê. Trường hợp người phụ nữ có hai chồng thường do gia đình giàu có, và người chồng đầu lại luôn đau ốm, bệnh tật nên người vợ phải cưới thêm một người đàn ông nữa để cùng bà ta gánh vác công việc. Tuy nhiên, các thành viên trong những gia đình như vậy vẫn có thể chung sống với nhau hoà thuận và con cái sinh ra đều được cha mẹ đối xử bình đẳng. Người đàn ông đã có vợ rồi nhưng lại quan hệ với một phụ nữ khác và làm cho người đó có thai thì buộc phải lấy làm vợ hai. Trong trường hợp này, người vợ hai không được sống chung với vợ cả mà phải ở riêng. Người chồng đi lại cả hai bên, nhưng chủ yếu vẫn sống với vợ cả.

1.3. Cư trú sau hôn nhân

Ở người Srê, cư trú sau hôn nhân là cư trú bên vợ. Sau đám ăn hỏi, chàng trai phải chuyển sang sống với vợ và gia đình

vợ. Tuy nhiên, trước khi cùng chồng chung sống ở nhà mình, người con gái cũng có một thời gian đi làm dâu: thời gian ở dâu thường chỉ một tuần, có khi là một hoặc vài tháng. Trong lúc này, người con gái phải lao động chăm chỉ để tỏ lòng biết ơn công lao nuôi dưỡng của cha mẹ đối với chồng mình và để gia đình nhà chồng thử thách nàng dâu mới. Trường hợp nhà trai neo người hoặc nhà gái quá nghèo, không có khả năng trả đủ lễ vật thách cưới cho nhà trai thì thời gian ở dâu có thể là 3 năm hoặc vĩnh viễn. Nếu người con gái phải đi làm dâu 3 năm thì số lễ vật mà nhà trai thách cưới thường được giảm đi một nửa, còn ở dâu vĩnh viễn thì nhà gái sẽ được miễn hoàn toàn, không phải trả cho nhà trai bất kỳ khoản lễ vật nào. Ngược lại, có những cô gái thuộc gia đình giàu có và không muốn đi làm dâu thì cha mẹ cô ta phải đưa một khoản tiền cho nhà trai. Khoản tiền này ngày nay được tính tương đương với một chỉ vàng.

II. CÁC NGHI LỄ TRONG HÔN NHÂN

Trước đây, tuổi kết hôn của người Srê khá sớm: con trai thường 16-17 tuổi và con gái 14-15 tuổi đã lập gia đình. Người con gái ngoài 20 tuổi đã bị coi là "quá lứa" và rất khó tìm được bạn đời. Trước khi thành vợ chồng, trai gái thường có thời kỳ tìm hiểu nhau. Qua quan sát việc làm ở gia đình và trên nương rẫy, qua cách ứng xử với người xung quanh, qua các trò chơi trong lễ hội, các buổi tối cùng ca hát vui chơi bên đồng lửa mà trai gái nảy sinh tình cảm và tìm đến nhau. Khi đã yêu nhau rồi, họ thường trao cho nhau chiếc vòng tay (*còng*) và coi đó là kỷ vật để làm chứng là hai bên đã chấp nhận tình yêu của nhau.

Trong cưới xin, từ đàm hỏi đến khi cưới xong bao gồm ba bước, với các nghi lễ khá phức tạp và tốn kém: đó là các bước đàm hỏi (*hào hìu*), ăn hỏi (*độ công*) và cưới (*đám bao*).

2.1. Đàm hỏi

Mặc dù trong chuyện yêu đương, chàng trai bao giờ cũng là người tỏ tình trước nhưng khi cưới xin, cô gái lại là người chủ động. Khi ngỏ lời cầu hôn, nếu được chàng trai ưng thuận thì cô gái sẽ trình bày với cha mẹ để chuẩn bị làm lễ đàm hỏi. Lễ đàm diễn ra sau thời gian trai gái tự tìm hiểu nhau, được gọi là *hào hìu* (lên nhà); còn lễ đàm cho đôi trai gái chưa hề biết mặt nhau và mọi chuyện do cha mẹ hai bên tự sắp đặt thì gọi là *lọt lấp*. Khi chọn được ngày tốt, đoàn nhà gái bao gồm ông cậu, bà mai, cô gái cùng một số người bạn của cô sẽ sang nhà trai để đàm hỏi. Bà mai (*vót hào hìu*) có thể là người trong họ hoặc ngoài họ nhưng phải giỏi đối đáp, tiếp chuyện và đoàn người đi hỏi nhất thiết phải là 9 người vì đồng bào quan niệm số 9 là con số luôn đem lại sự may mắn, tốt lành. Khi đến nhà trai, ông cậu sẽ trực tiếp hỏi chàng trai có đồng ý lấy cô gái làm vợ không và cũng hỏi nội dung tương tự với cháu gái mình. Nếu cả hai người cùng ưng thuận thì chàng trai sẽ đi mời bà cô, ông cậu, bà dì và cô gái hoặc bạn của cô cũng sẽ về gọi ngay bố mẹ mình đến để cùng bàn bạc những việc tiếp theo. Nhà trai, với đại diện là ông cậu sẽ đứng ra để thông báo số lễ vật thách cưới với nhà gái. Số lễ vật này thường được biểu hiện qua những thanh lờ ô (*khạ*) mà ông cậu nhà trai đưa cho ông cậu nhà gái và chỉ cần đếm số *khạ* này thì nhà gái có thể biết được lễ vật bao gồm những gì và

số lượng cụ thể là bao nhiêu. Theo tục lệ của người Srê, lễ vật thách cưới bao gồm 1 con trâu, 8 chiếc áo ngắn, 9 dây hạt cườm (*nhòng*), 9 tấm ùi (có 3 loại: ùi *đrai* dành cho bố mẹ, ùi *sơ mở* dành cho các chị em gái và ùi *yal* dành riêng cho các bà cô), 2 áo dài (*ào cấp*), 2 chiếc khố (1 chiếc dành cho bố và 1 chiếc dành cho ông cậu), 1 chiếc khăn dành cho mẹ, 1 đôi vòng chân bằng đồng và 1 cái chén (dùng để đựng tiết gà mỗi khi cúng bái).

Lễ vật đàm hỏi ở nhóm Srê như trên khác với lễ vật đàm hỏi ở nhóm Nộp cận cư: theo tài liệu thu thập được ở người Nộp, xã Tân Châu, huyện Di Linh, số lượng các vật thách cưới lại là 1 con trâu, 12 chiếc ùi, 25 chuỗi hạt cườm, 10 chiếc nhẫn đồng, còn quần áo hoặc hạt cườm nhiều hay ít là tùy thuộc vào số lượng các thành viên trong gia đình và họ hàng nhà trai. Tuy nhiên, những con số trên chỉ mang tính hình thức và tượng trưng. Trên thực tế, rất ít trường hợp nhà gái có thể trả đủ số lễ vật mà nhà trai đòi hỏi, và thường thì bà mai đứng ra để xin giảm bớt, tùy theo khả năng của gia đình.

Ngay hôm đó, bố mẹ cô gái đưa trước cho nhà trai khoảng một hoặc hai chỉ vàng, số còn lại thì phải hẹn ngày trả nốt. Nhà trai sẽ làm một mâm cơm nhỏ để mời nhà gái và trong bữa cơm, ông cậu bên gái lấy một chuỗi hạt cườm và một chiếc vòng đồng đặt vào giữa mâm, coi đây là vật làm chứng cho việc nhà trai đã nhận lời. Thường thì trước ngày cưới, nhà gái cố gắng trả khoảng một nửa số lễ vật mà nhà trai đòi hỏi; sau khi hai người đã lấy nhau rồi thì số còn lại có thể không phải trả nữa. Nếu trường hợp nhà trai đòi trả đủ thì nhà gái phải trả dần, thậm chí sau

hàng chục năm vẫn chưa hết. Vào thời điểm tháng 5/2002, tại thôn Tam Bó đã diễn ra một đám cưới khá đặc biệt mà người dân ở đây gọi là đám cưới thứ ba hay đám cưới cuối cùng (*jun bao jích*) của một cặp vợ chồng già người Srê là ông K' Nếu (72 tuổi) và bà Ka Vêl (69 tuổi). Sau hơn 50 năm kết hôn, giờ đây, gia đình bà Ka Vêl mới trả hết được những gì mà nhà ông K' Nếu đã thách cưới năm xưa; vì thế, theo tục lệ, ông bà tổ chức cưới lại lần cuối cùng để ăn mừng sự kiện này. Lễ cưới được tổ chức tại gia đình nhà gái và trong ngày hôm đó, theo thông lệ, nhà trai đã tặng lại cho gia đình bà Ka Vêl một con heo lớn.

Trên thực tế, không phải lễ dạm hỏi nào cũng được diễn ra suôn sẻ. Không hiếm trường hợp khi ông cậu đứng ra hỏi thì vì một lý do nào đó mà chàng trai từ chối kết hôn, và những cô gái như vậy thường bị người ta gọi là *ùn vàng* (cô gái bị người yêu bỏ rơi). Sau khi hỏi lại nhiều lần mà chàng trai vẫn từ chối thì ông cậu thay mặt nhà gái đứng ra phạt chàng trai. Mức độ phạt nặng hay nhẹ tùy thuộc vào khoảng thời gian mà hai người đã yêu nhau và tùy thuộc vào việc hai người đã ăn nằm với nhau hay chưa. Thường thì chàng trai chỉ bị phạt khoảng 30-40 đồng hoặc một vài cái chiêng (*phi la*), nhưng nếu hai người đã yêu nhau trong thời gian dài và cô gái đã có thai thì chàng trai sẽ bị phạt thêm một con trâu hoặc một con heo. Khi ông cậu bên gái chia cánh tay ra, chàng trai nhìn vào đó có thể biết bị phạt trâu to hay trâu nhỏ: nếu ông chỉ vào cổ tay thì có nghĩa là đòi trâu 1 năm tuổi, vào khuỷu tay - trâu 3 năm tuổi và vào bắp tay - trâu 4 hoặc 5 năm tuổi. Thường sau 3

ngày, chàng trai phải nộp phạt đầy đủ. Số tiền và trâu này coi như để đền bù một phần danh dự cho cô gái và cũng là đóng góp cho việc nuôi dưỡng đứa con sau này. Đúng ngày nhà gái nhận nộp phạt, hai bên trao cho nhau một con gà và một ché rượu để hoà giải; kể từ đó hai bên sẽ không còn mối liên quan gì nữa. Người ta vẫn gọi những trường hợp như vậy là trai gái "thả nhau" (*tam loi*). Sau việc này, chàng trai vẫn có thể lấy vợ bình thường, nhưng cô gái thì phải sống trong sự xấu hổ, mặc cảm với dân làng và rất khó tìm được người chồng như ý, nhất là cô gái lại có con với người tình cũ thì thường ở vậy suốt đời, trừ trường hợp gia đình giàu có. Những cô gái này khi lấy chồng thường bị gia đình nhà trai thách cưới nhiều gấp đôi so với đám bình thường vì cô đã từng một lần bị từ chối kết hôn.

2.2. Ăn hỏi

Sau lễ dạm hỏi là lễ ăn hỏi. Ngày ăn hỏi do nhà gái quyết định và thường diễn ra sau lễ dạm khoảng một, hai tháng. Lễ này được làm ở cả hai bên nhà trai, nhà gái vào hai ngày khác nhau và thường được tiến hành trước ở nhà trai.

Trong lễ ăn hỏi bên nhà trai (*độ công đánh klao*), cô dâu và chú rể được làm lễ cúng đầu và ăn cơm nắm. Người ta đặt ở giữa nhà một ché rượu cần lớn. Chú rể ngồi ở bên phải và cô dâu ngồi bên trái của ché rượu rồi bà cô chú rể lấy *ùi* trùm lên đầu hai người. Ông cậu bên trai trao nhẫn cho cô dâu và ngược lại, ông cậu bên gái trao nhẫn cho chú rể. Sau đó ông cậu bên trai đứng ra nói lời cầu nguyện cho hai cháu được hạnh phúc và cúng đầu hai người vào nhau 3 lần. Tiếp theo, bà cô

(hoặc bà mai) sẽ lấy hai nắm cơm to và hai chiếc đũa gà để bón cho cô dâu và chú rể cùng ăn. Cơm được chia làm 6 nắm và đũa gà được xé làm 6 miếng nhỏ. Ăn xong, mỗi người phải uống hết một bát rượu cần. Hai người khi ăn cơm phải hết cùng một lúc, uống rượu không được rơi giọt nào, và có vậy mới mong sau này gia đình hoà thuận, làm ăn phát đạt. Sau khi ăn uống xong, bà cô mới mở *ùì* ra cho hai người. Lúc này, cô dâu phải đi chúc rượu họ hàng bên chồng và chú rể chúc rượu họ hàng bên vợ. Vào cuối buổi lễ, ông cậu hoặc anh em trai của chú rể sẽ cầm chiếc *xà gạc* để kéo hai người vào buồng cưới và sau đó, bố mẹ chồng bưng một mâm cỗ vào trong buồng để đôi vợ chồng ăn với nhau bữa cơm đầu tiên. Khi lễ ăn hỏi kết thúc, chú rể theo đoàn nhà gái ra về và bắt đầu cuộc sống bên gia đình nhà vợ.

Lễ ăn hỏi bên nhà gái (*độ công đánh ùn*) thường diễn ra sau nhà trai khoảng một tháng và bao giờ cũng được tổ chức to hơn bên nhà trai. Đoàn nhà trai sang tham dự phải được ăn uống no say và đến tận sáng hôm sau mới được phép ra về, vì người ta cho rằng có vậy, cuộc sống hai vợ chồng sau này mới thuận hoà. Trong lễ ăn hỏi, người ta kiêng không đánh nhau, cãi lộn, không làm vỡ chén bát vì đó là những dấu hiệu không tốt lành. Trong ngày hôm đó, nhà gái phải để dành một đũa heo bên phải để sáng hôm sau, ông cậu sẽ mang đũa heo đó cùng một ché rượu cần sang tặng bên nhà trai. Đũa heo phải đầy đặn, không bị thiếu thịt, vì khi nhà gái mang đũa heo đến mà nhà trai thấy không đạt yêu cầu thì có quyền phạt lại nhà gái một con gà.

2.3. Lễ cưới

Khác với nhiều dân tộc, ở nhóm Cơ-ho Srê, lễ cưới được tổ chức ở cả hai bên nhà trai và nhà gái vào hai ngày khác nhau, trong đó, bên nào có điều kiện thì tổ chức trước.

Lễ cưới bên nhà trai (*đam bao đánh klao*) thường được tổ chức trước, diễn ra sau lễ hỏi khoảng một năm. Trong ngày này, cô dâu (*băm*) và chú rể (*ptâu*) cùng họ hàng nhà gái sẽ sang nhà trai để tham dự lễ cưới. Bố mẹ cùng họ hàng gần của chú rể thường tặng đôi vợ chồng mới một số đồ vật như chăn mỏng, gùi, *xà bác*, *xà gạc* (rìu), chén, đũa, túi đựng cơm; còn bà con trong làng thường đem theo 1 con gà, 1 lít rượu, vài cân gạo hoặc một chút tiền để góp vui cho đám cưới.

Lễ cưới bên nhà gái (*đam bao đánh ùn*) thường diễn ra sau nhà trai khoảng một tháng và cũng được tổ chức to hơn nhà trai. Nếu nhà trai ăn số lợn có chiều dài (thân lợn) là 10 gang thì nhà gái sẽ ăn nhiều gấp rưỡi hoặc gấp đôi (khoảng 15-20 gang). Tục lệ này là bắt buộc và trước ngày cưới, ông cậu hai bên sẽ đi đo xem bên kia có ăn đủ số lợn đã quy định hay không. Sau khi mọi người đã ăn uống no say, muốn khách ra về, ông cậu nhà gái bưng ché rượu cần mới đặt ở giữa nhà để mời lần cuối. Mọi người lần lượt đến uống rồi ra về nên người ta thường gọi đây là *ché rượu tiễn khách*.

2.4. Hôn nhân đặc biệt

Hình thức hôn nhân này có thể bao gồm hôn nhân chị em vợ và anh em chồng. Đây là trường hợp chồng chết, người vợ sẽ lấy em chồng; và nếu vợ chết, người chồng

lấy em vợ. Theo quan niệm, anh của chồng hay chị của vợ là những người bậc trên, ngang với cha mẹ mình nên khi người vợ hoặc người chồng mất đi thì người ta chỉ có thể lấy em vợ hoặc em chồng của mình. Nếu người chồng chẳng may qua đời thì người vợ dù còn trẻ hay đã lớn tuổi, theo thông lệ, ngay hôm người chồng mất (quan tài còn quàn trong nhà) đã phải ngó ý luôn với ông cậu bên chồng về việc kết hôn cùng cậu em trai chồng (nếu có), và nếu được cậu em trai đồng ý thì ngay sau hôm chôn cất người chồng, họ tiến hành làm đám cưới và lần này, nhà gái không phải trả cho nhà trai bất kỳ một khoản lễ vật nào. Cũng có trường hợp cậu em trai hoặc gia đình, họ hàng nhà chồng không đồng ý thì người đàn bà goá kia có quyền đứng ra phạt gia đình nhà chồng, thường là một con heo nhỏ. Nhưng ngược lại, có trường hợp người đàn bà goá không xin cưới cậu em trai của chồng mà tái hôn với người đàn ông khác. Trong trường hợp này, người đàn bà goá ấy phải đợi ít nhất sau một năm. Trong thời gian bà ta đi hỏi cưới người khác, nhà chồng cũ sẽ đi xem mả của người chồng đã chết. Nếu thấy mả bị sập thì họ cho rằng người chồng quá cố không đồng ý để vợ cũ đi lấy chồng và sẽ ngăn cản không cho đám cưới tiến hành. Nếu người đàn bà goá đó vẫn quyết tâm tái hôn thì nhà gái sẽ bị nhà chồng cũ phạt một hoặc hai con trâu. Theo thông lệ, gia đình nhà người chồng mới khi nhận được lễ vật thách cưới do nhà gái mang đến, phải đem chia cho gia đình nhà chồng cũ một phần nhỏ để mong linh hồn người đã mất đừng về quấy nhiễu cuộc sống của đôi vợ chồng mới.

Trong trường hợp người vợ qua đời, người chồng có quyền hỏi cưới cô em gái của vợ. Nếu cô ta ưng thuận thì đám cưới cũng được tiến hành ngay sau khi người vợ được chôn cất. Còn trong trường hợp người chồng không muốn, cô em gái không đồng ý hay người vợ không có em gái thì sau khi vợ chết, người chồng chỉ được ở lại bên gia đình nhà vợ khoảng một tháng rồi phải trở về nhà bố mẹ đẻ của mình. Nếu hai người đã có con với nhau thì khi trở về, người chồng thường chỉ được mang theo những đồ vật tùy thân như quần áo, chăn đắp, một chiếc gùi và một chiếc *xà gạc*. Tất cả tài sản làm ra sau bao năm lao động vất vả ở nhà vợ được người chồng để lại để các chị em gái của vợ nuôi nấng con cái mình.

Luật tục Cơ-ho không cho phép đàn ông đã có vợ và phụ nữ có chồng quan hệ tính giao với một người khác. Trước đây, hai người ngoại tình với nhau mà bị bắt quả tang sẽ bị bắt ăn cơm chung trong máng lợn hoặc bị đuổi ra khỏi làng, hoặc hai người bị cột lại với nhau rồi đem ngâm dưới suối trong một, hai giờ đồng hồ để “nước suối sẽ rửa sạch tội lỗi cho họ”. Nếu gái đã có chồng mà đi ngoại tình và bị bắt quả tang thì người chồng sẽ về bên nhà mình thông báo cho ông cậu và bố mẹ biết và đến để bắt phạt người vợ. Nếu phạt nặng thì thường mức phạt là một con trâu và phải do chính tay ông cậu cùng bố mẹ người vợ mang đến. Con trâu này được thịt rồi đem chia cho họ hàng để thay cho lời xin lỗi của người vợ đối với gia đình, họ hàng nhà chồng. Còn mức phạt nhẹ thì chỉ phạt 1 chiếc *ùi*, 1 lít rượu và 1 con gà. Nhà trai sẽ làm một mâm cơm mời họ hàng hai bên cùng đến và người có tội phải đứng ra

xin lỗi trước tất cả mọi người trong hai họ, đặc biệt là người chồng của mình. Nếu ở mức phạt nặng, nhà gái sau ba ngày không lo được trâu để nộp thì gia đình nhà chồng thường bắt người đàn ông đó bỏ vợ. Với người đàn ông đã có vợ mà đi ngoại tình và bị bắt quả tang, cũng sẽ bị bên nhà vợ phạt tương tự như vậy. Nếu làm cho người phụ nữ chung tình có bầu thì anh ta buộc phải lấy làm vợ lẽ, tuy nhiên, người vợ lẽ đó vẫn sống ở nhà bố mẹ mình; còn người chồng thì chủ yếu sống bên nhà vợ cả và thỉnh thoảng mới sang sống cùng vợ hai.

Việc ly dị ở người Srê hiếm khi xảy ra. Những trường hợp vợ chồng bất hoà dẫn tới ly hôn thường xuất phát từ lý do một trong hai người ngoại tình, hoặc người chồng lười biếng hay cờ bạc, rượu chè. Nếu người chồng mắc một trong những lỗi trên và bị gia đình nhà vợ đuổi đi thì khi về nhà bố mẹ đẻ, anh ta không những không được chia một chút tài sản nào mà bên nhà trai còn phải hoàn trả lại những phí tổn của đám cưới trước kia cho nhà gái. Còn nếu hai người chia tay nhau mà lỗi thuộc về người vợ thì người chồng khi trở về nhà mình sẽ nhận được một nửa số tài sản mà hai người có được trong thời gian cùng chung sống với nhau.

III. NHỮNG BIẾN ĐỔI TRONG HÔN

NHÂN HIỆN NAY

Do tác động của những điều kiện mới như chính sách của Đảng và Nhà nước, vai trò của các đoàn thể và đạo Thiên Chúa, hiện nay, hôn nhân của người Srê thôn Tam Bố vừa bảo lưu những nét truyền thống lại vừa diễn ra những biến đổi khá rõ nét.

Tuổi kết hôn của nam nữ thanh niên Srê hiện nay đã tăng lên; tuy nhiên, do người dân chưa ý thức được Luật hôn nhân và gia đình nên tỷ lệ tảo hôn còn cao (chiếm khoảng hơn 60%) và rất ít các cặp tới xã làm thủ tục đăng ký kết hôn.

Trong cưới xin, người ta vẫn tiến hành theo 3 bước, nhưng một số nghi lễ truyền thống đã bị cắt bỏ. Hiện nay, tất cả những lễ vật trước kia mà nhà trai đòi hỏi đều được quy thành tiền và vàng. Một đám cưới bình thường, nhà trai thách nhà gái khoảng 15-20 triệu đồng và một vài chỉ vàng cho bố mẹ, các bà cô, dì, già; ngoài ra còn có *ùi* cho mẹ và các chị em gái, *complé* cho bố và ông cậu của chú rể. Tuy thách là như vậy nhưng nhà gái không nhất thiết phải trả đủ toàn bộ số tiền và lễ vật này. Có gia đình khó khăn thường trả một phần rất nhỏ hoặc trả dần. Tuy nhiên, cũng có trường hợp nhà trai đòi hỏi phải trả toàn bộ và phải đưa trước ngày cưới, vì thế cũng không hiếm những cô gái vì gia đình nghèo mà không lấy được chồng. Ông K'Brẹo trong thôn có 3 cô con gái đã đứng tuổi mà vẫn chưa kết hôn chỉ vì quá nghèo. Như vậy, tính chất mua bán trong hôn nhân vẫn còn tồn tại khá nặng nề.

Lễ dạm và lễ ăn hỏi đã diễn ra đơn giản hơn trước; tục trao nhẫn, trùm *ùi*, cụng đầu và ăn cơm nắm đang ngày càng ít dần. Đặc biệt, việc tổ chức lễ cưới ở nhà thờ đã thể hiện sự tiếp thu khá đậm nét yếu tố tôn giáo. Trang phục của cô dâu, chú rể trong ngày cưới cũng hoàn toàn khác trước: cô dâu khi làm lễ được mặc váy trắng, còn chú rể mặc âu phục như người Kinh. Sau khi làm lễ ở nhà thờ xong, người ta chỉ tổ chức một bữa liên hoan nhỏ gồm các thành viên trong gia

đình và một số anh em họ hàng gần. Trong trường hợp cô dâu theo Đạo còn chú rể là người ngoại Đạo nhưng sau này muốn theo Đạo thì sau lễ ăn hỏi, chú rể phải học giáo lý Công giáo trong 3 tháng và được Cha làm phép rửa tội, đồng thời cả hai người đều phải đến nhà thờ học giáo lý về hôn nhân trong một năm rồi mới được làm lễ cưới trong nhà thờ. Tất nhiên, chỉ những đôi trai gái nào còn trong trắng thì mới được làm lễ cưới trong nhà thờ và được Cha làm phép *chuẩn*, có lễ và có giáo dân tham dự. Nếu hai người đã có quan hệ vợ chồng với nhau thì chỉ được làm phép *rao* vào buổi lễ ngày chủ nhật: Cha cố chỉ thông báo để tất cả các giáo dân có mặt trong buổi lễ được biết về việc thành hôn của hai người.

Do điều kiện giao lưu với các dân tộc khác, đặc biệt là người Kinh nên các trường hợp hôn nhân hỗn hợp dù không nhiều nhưng đã tăng hơn trước. Hiện nay, cả thôn có 9/207 cặp là hôn nhân hỗn hợp, trong đó có 4 cặp vợ chồng Cơ-ho_ Kinh, 3 cặp vợ chồng Cơ-ho_ Ra-glai và 2 cặp vợ chồng Cơ-ho_ Mạ. Đặc biệt, do ảnh hưởng của người Kinh, nơi đây đang diễn ra sự biến đổi trong cư trú sau hôn nhân: đó là sự biến đổi từ cư trú bên vợ sang cư trú bên chồng. Năm 2000, cả thôn mới xuất hiện 2 trường hợp cư trú bên chồng sau hôn nhân thì đến năm 2002 đã có 7 trường hợp như vậy. Trường hợp hôn nhân con cô con cậu, hôn nhân chị em vợ, anh em chồng cũng như chế độ đa thê, đa phu không còn tồn tại vì bị lớp trẻ phản đối.

IV. KẾT LUẬN

Những năm gần đây, do tác động của các điều kiện mới, hôn nhân truyền thống của người Srê xã Tam Bốc đã có nhiều biến

đổi theo cả hai hướng tích cực và tiêu cực. Tuổi kết hôn đã được nâng lên, nam nữ được tự do yêu đương và lựa chọn bạn đời, các trường hợp hôn nhân đặc biệt không còn tồn tại. Tuy nhiên, tuổi kết hôn dù được nâng lên so với trước kia nhưng vẫn còn thấp so với quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Tình trạng mua bán trong hôn nhân không giảm mà trái lại còn nặng nề hơn. Do ảnh hưởng của giao lưu văn hoá với các tộc người khác và Thiên Chúa giáo, nhiều nghi lễ cưới xin phản ánh bản sắc văn hoá truyền thống đang dần bị mai một....

Vấn đề đặt ra hiện nay là cần có những chủ trương, chính sách nhằm giữ gìn và bảo vệ các yếu tố văn hoá truyền thống trong hôn nhân, đồng thời đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục ý thức pháp luật về hôn nhân và gia đình cho người dân ở đây.

1. Tổng cục Thống kê. *Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam 1999*. Nxb. Thống kê. Hà Nội, 2001
- 2 Xin tham khảo thêm:
 - Mạc Đường (chủ biên). *Vấn đề dân tộc tỉnh Lâm Đồng*. Sở Văn hoá tỉnh Lâm Đồng, 1983.
 - Viện Dân tộc học, Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam. *Dân tộc Cơ-ho*, trong sách *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Nam)*. Nxb. Khoa học xã hội, 1984.
 - Nguyễn Văn Diệu. *Ít ghi chép về người Chil ở Lâm Đồng*. Tạp chí Dân tộc học, Số 3/1978.
 - Nguyễn Hồng Nhật. *Người Lạt ở Đà Lạt*. Tạp chí Dân tộc học, Số 3/1988.